TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 718/2025/DS-PT
Ngày 15/12/2025
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chế Linh

Các Thẩm phán: Bà Mạc Thị Chiên

Ông Võ Bảo Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Điệp là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Kim Chúc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 384/2025/TLPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2025/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 914/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị M, sinh năm 1973; Địa chỉ: khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là khu V, phường L, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lâm Thị Anh T, sinh năm: 2000; Địa chỉ: ấp L, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp L, phường L, thành phố Cần Thơ) – Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06/3/2025).

- *Bị đơn:* Ông Bùi Tiến B, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp T, phường L, thành phố Cần Thơ) (có mặt).

- *Người kháng cáo:1. Bà Dương Thị M là nguyên đơn.*

2. Ông Bùi Tiến B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn trình bày và yêu cầu:*

Nguyên đơn đã cho bị đơn mượn tiền tổng cộng 02 lần như sau:

Lần 1: Vào ngày 27/7/2018 âm lịch, ông B có mượn của nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng.

Lần 2: Vào ngày 08/10/2018 âm lịch, ông B tiếp tục mượn của nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng.

Giao dịch các bên không xác định thời gian trả nợ cụ thể. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu ông B trả tiền nhưng ông B không trả. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông B trả số tiền gốc đã mượn là 150.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm, tương ứng với 02 khoản mượn. Mượn lần 1, tính lãi từ ngày 27/7/2018 âm lịch đến ngày xét xử (ngày 19/8/2025), số liền lãi là 69.200.000 đồng. Mượn lần 2, tính lãi từ ngày 08/10/2018 âm lịch đến ngày xét xử (ngày 19/8/2025), số liền lãi là 34.600.000 đồng. Tổng số tiền lãi là 103.800.000 đồng.

** Bị đơn là ông Bùi Tiến B trình bày:*

Chữ ký trong các biên nhận ngày 27/7/2018 âm lịch và ngày 08/10/2018 âm lịch là của ông Bùi Tiến B. Ông B đã trả tiền xong cho nguyên đơn vào khoảng tháng 2 đến tháng 3 năm 2019 nhưng ông B không lấy lại biên nhận. Sau năm 2019, giữa ông B và bà M còn phát sinh những giao dịch khác nhưng không có liên quan đến khoản nợ trong vụ án này. Bản chất là hợp đồng vay tài sản, đối với khoản vay 100.000.000 đồng, mức lãi suất là 5.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng, bị đơn đã đóng lãi số tiền 16.500.000 đồng; đối với khoản vay 50.000.000 đồng lãi suất 02 tháng đầu là 3%/tháng, sau đó tính tiền ngày như khoản vay 100.000.000 đồng, bị đơn đã đóng lãi số tiền 6.000.000 đồng. Khi vay tiền không xác định thời gian trả nợ cụ thể, việc trả lãi cũng như trả tiền gốc không có giấy tờ gì, chỉ có ông B và bà M biết và trực tiếp giao dịch. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông B trả nợ thì bị đơn không đồng ý.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2025/DSST ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 đã tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị M về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] Buộc bị đơn ông Bùi Tiến B có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Dương Thị M số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị M về việc yêu cầu ông Bùi Tiến B trả số tiền lãi là 103.800.000 đồng (Một trăm lẻ ba triệu, tám trăm nghìn đồng).

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Dương Thị M phải chịu số tiền 5.190.000 đồng (Năm triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 4.825.000 đồng (Bốn triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002776 ngày 15 tháng 4 năm 2025. Bà Dương Thị M phải nộp thêm án phí số tiền 365.000 đồng (Ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

- Bị đơn ông Bùi Tiến B phải chịu số tiền án phí là 7.500.000 đồng (Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 03 tháng 9 năm 2025, nguyên đơn cho rằng, cấp sơ thẩm chưa tuyên về lãi suất là chưa đúng ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn.

Tại đơn kháng cáo đề ngày ngày 03 tháng 9 năm 2025, bị đơn cho rằng, cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) cho nguyên đơn là chưa đúng, đây là khoản tiền nguyên đơn thanh toán tiền thi công công trình cho bị đơn, chứ không phải nợ bị đơn vay của nguyên đơn. Bị đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bị đơn không có nghĩa vụ phải thanh toán 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) cho nguyên đơn, vì đây là khoản tiền giao dịch làm ăn giữa hai bên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Các bên không thoả thuận được việc giải quyết tranh chấp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, các quy định pháp luật liên quan, đại diện Viện kiểm sát cho rằng bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ. Các bên kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy, các bên tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Toà án nhân dân khu vực 12 đã thụ lý là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Trong vụ án này, mặc dù các bên chưa thống nhất về loại hình giao dịch và bị đơn cho rằng đã thanh toán xong khoản vay, nhưng các chứng cứ trong hồ sơ cho thấy yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn là có căn cứ. Nguyên đơn là bà Dương Thị M khởi kiện yêu cầu ông Bùi Tiến B trả số tiền gốc 150.000.000 đồng tương ứng với hai lần mượn, kèm theo biên nhận viết tay thể hiện lần mượn thứ nhất ngày 27/7/2018 âm lịch là 100.000.000 đồng và lần mượn thứ hai ngày 08/10/2018 âm lịch là 50.000.000 đồng. Bị đơn xác nhận chữ ký trong biên nhận là của mình, đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Dù ông B khai đã trả nợ cho bà M vào khoảng tháng 2 đến tháng 3/2019 và trình bày rằng sau khi trả nợ hai khoản vay thì giữa các bên có phát sinh giao dịch khác, nhưng ông không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc đã thanh toán, trái với nghĩa vụ chứng minh được quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra, cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định giao dịch không có thời hạn trả nợ cụ thể. Từ các căn cứ nêu trên và theo Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân khu vực 12 đã buộc bị đơn ông Bùi Tiến B trả cho nguyên đơn bà Dương Thị M số tiền gốc 150.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ. Kháng cáo của bị đơn về việc phủ nhận nghĩa vụ trả nợ gốc là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Theo quy định của Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015, đối với hợp đồng vay không kỳ hạn, nghĩa vụ trả nợ của bên vay chỉ phát sinh khi bên cho vay có yêu cầu trả và phải dành cho bên vay một thời gian hợp lý để thực hiện nghĩa vụ. Điều luật này khẳng định rằng yêu cầu đòi nợ của bên cho vay không chỉ mang tính hình thức mà là điều kiện pháp lý bắt buộc để làm phát sinh nghĩa vụ trả nợ. Trong vụ án này, nguyên đơn không xuất trình được bất kỳ chứng cứ nào chứng minh rằng đã yêu cầu bị đơn trả nợ trước thời điểm khởi kiện, nên theo nguyên tắc quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không có căn cứ để xem bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ từ những năm 2018 như nguyên đơn trình bày. Do vậy, kháng cáo của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi từ năm 2018 là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Các biên nhận vay tiền ngày 27/7/2018 âm lịch và ngày 08/10/2018 âm lịch thể hiện quan hệ giữa các bên là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Các bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ và lãi suất, nên được xác định là hợp đồng vay không kỳ hạn theo Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong trường hợp này, bên cho vay có quyền yêu cầu bên vay trả nợ nhưng phải báo trước một thời gian hợp lý, chỉ khi hết thời gian đó mà bên vay không thực hiện nghĩa vụ thì mới phát sinh chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Hồ sơ vụ án thể hiện ngày 25/4/2025, bị đơn đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, qua đó biết rõ yêu cầu trả nợ của nguyên đơn. Thấy rằng, thời hạn 15 ngày kể từ ngày bị đơn nhận được Thông báo thụ lý vụ án là thời gian hợp lý để bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó kể từ ngày 10/5/2025 bị đơn được xác định là chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm

2015, bị đơn phải chịu lãi suất đối với khoản tiền chậm trả kể từ thời điểm này cho đến khi thi hành án xong. Như vậy, kháng cáo về lãi của nguyên đơn được chấp nhận một phần.

[5] Thời gian tính lãi từ ngày 10/5/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (19/8/2025) là 03 tháng 09 ngày. Tiền gốc là 150 triệu, lãi suất là 0,83%/tháng thì số tiền lãi sẽ là 4.108.500 đồng. Tổng gốc và lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 154.108.500 đồng.

[6] Từ những nhận định trên cho thấy, kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu tính lãi không được chấp nhận. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định tại Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc ông Bùi Tiến B có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thị M số tiền 154.108.500 đồng. Trong đó, nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi là 4.108.500 đồng.

- Ông Bùi Tiến B còn chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/8/2025 (ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm) cho đến khi thanh toán xong nợ với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn phải chịu 4.984.600 đồng, chuyển số tiền tạm ứng án phí đã nộp (4.825.000 đồng) theo Biên lai số 0002776 ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (cũ) thành án phí. Nguyên đơn còn phải thêm 107.700 đồng.

- Bị đơn phải chịu 7.757.300 đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0002951 ngày 09/9/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn phải chịu 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0002898 ngày 05/9/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí, coi như bị đơn đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND khu vực 12
- Phòng THADS khu vực 12
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Chế Linh